



xià shēn

下身

noun · lower body / lower part of the body

Example Sentences

Tā xià shēn chuān zhe yī tiáo hēi kù zi
他下身 穿着一条黑裤子。

He is wearing black pants on his lower body.

Yùn dòng hòu tā de xià shēn gǎn dào suān tòng
运 动 后，他的下身 感到 酸痛。

After exercise, his lower body felt sore.

Trace each character, then write the word on your own.

下	下	下	下	下	下														
身	身	身	身	身	身	身	身	身	身	身									